

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2057/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09/12/2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hàn Hòa Thuận
2. Ông Phạm Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thư Thái Bình - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Hoàng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 699/2019/TLST-HNGĐ ngày 24/12/2019 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5446/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21365/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/11/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng C, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt).

HKTT: Ấp 3A, xã A, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Khu phố H, phường L, huyện Q, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: 444-3172 Aichiren-135708 O, T, issHoku 3, Japan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19/11/2019 và bản tự khai nguyên đơn – ông Lê Hoàng C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Lê Thị T kết hôn năm 2008 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường M, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/8/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 10 năm, từ năm 2017, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về kinh tế và bà T bỏ đi hợp tác lao động ở Nhật và rất ít khi liên lạc với ông, gọi điện thoại không bắt máy chỉ nhắn tin nói là muốn ly hôn. Nhận thấy, không còn tình cảm và không thể kéo dài cuộc hôn nhân này nên ông yêu cầu Tòa án cho ông được ly hôn với bà Lê Thị T.

Về việc nuôi con: Ông và bà T có 02 con chung là trẻ Lê Hoàng Trung N, sinh ngày 31/10/2009 và Lê Hoàng Minh S, sinh ngày 07/8/2016. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu bà Thiện cấp dưỡng nuôi hai con chung là 5.000.000 đồng/tháng (mỗi trẻ 2.500.000 đồng/tháng).

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ: Không có.

Tại phiên tòa:

* Ông Lê Hoàng C có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

* Bà Lê Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Đồng thời bà T cũng không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Ông Chung có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Thiện vắng mặt dù đã được tổng đạt hợp lệ nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Hoàng C:

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hoàng C được ly hôn với bà Lê Thị T.

+ Về việc nuôi con: Giao cho ông Chung trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc hai trẻ Lê Hoàng Trung N, sinh ngày 31/10/2009 và Lê Hoàng Minh S, sinh ngày 07/8/2016. Bà T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con chung 5.000.000 đồng/tháng.

+ Về chia tài sản và nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Ông Lê Hoàng C phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng. Bà Lê Thị T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

- Ngày 19/11/2019, ông Lê Hoàng C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị T. Bà Lê Thị T hiện đang cư trú tại Nhật Bản, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Hoàng C có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Lê Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hoàng C và bà Lê Thị T tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 131 quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/8/2008, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông C cho rằng vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về kinh tế, bà T bỏ đi hợp tác lao động ở Nhật và không liên lạc với ông. Về phía bà T, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp theo đúng thủ tục luật định nhưng bà Thiện cũng không có văn bản trả lời về các yêu cầu của ông C. Do đó, có cơ sở xác định ông C và bà T đã không còn tình cảm với nhau, không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của ông Lê Hoàng C về việc xin ly hôn với bà Lê Thị T.

- Về việc nuôi con: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 388 quyền số 02 do Ủy ban nhân dân Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 10/11/2009 và Giấy khai sinh số 306/2016 do Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/8/2016 thì hai trẻ Lê Hoàng Trung N, sinh ngày 31/10/2009 và Lê Hoàng Minh S, sinh ngày 07/8/2016 là con của ông C và bà Tn. Hiện hai trẻ đang sống ổn định cùng ông C, trẻ Lê Hoàng Trung N có bản tự khai trình bày nguyện vọng được ở với cha. Nay ông C yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi hai con chung 5.000.000 đồng/tháng nên căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao 02 trẻ Lê Hoàng Trung N và Lê Hoàng Minh S cho ông C được trực tiếp nuôi. Bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con 5.000.000 đồng/tháng.

- Về chia tài sản: Không có.

- Về nợ: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông C phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng. Bà T phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng C.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hoàng C được ly hôn với bà Lê Thị T.

- Về việc nuôi con: Giao hai con chung là trẻ Lê Hoàng Trung N, sinh ngày 31/10/2009 và Lê Hoàng Minh S, sinh ngày 07/8/2016 cho ông Lê Hoàng C trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Lê Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng (mỗi trẻ là 2.500.000 đồng/tháng). Bà Thiện bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 1/2021 cho đến khi hai con thành niên.

Bà Lê Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Điều 82, 83, 84, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện việc trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Án phí: Ông Lê Hoàng C phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà ông Lê Hoàng C đã nộp theo biên lai số AA/2019/0045230 ngày 18/12/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Lê Hoàng C đã nộp đủ án phí.

Bà Lê Thị T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Ông Lê Hoàng C có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ; bà

Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM ;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp.HCM;
- UBND Phường M, quận B, Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thanh Bình

